

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Hồ Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị M1, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/6/2021, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà M1 chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2010 đến nay, ông M và bà M1 không còn chung sống cùng nhau. Hiện tại, bà M1 sinh sống tại ấp A, xã B, huyện D còn ông M sinh sống và làm thuê tại thị xã C. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông M yêu cầu được ly hôn với bà M1.

- *Về con chung*: Ông M và bà M1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/01/1991. Hiện con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông M không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/6/2021, quá trình tố tụng, bị đơn bà Đặng Thị M1 có ý kiến:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà M1 và ông M chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên từ năm 2010 đến nay thì bà M1 và ông M không còn chung sống cùng nhau. Hiện tại, bà M1 sống tại ấp A, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương còn ông M sinh sống tại thị xã C, tỉnh Bình Dương. Hiện, hai bên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay, ông M khởi kiện yêu cầu ly hôn thì bà M1 đồng ý.

- *Về con chung*: Bà M1 và ông M có 01 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/01/1991. Hiện con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà M1 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông M có mặt, bị đơn bà M1 vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do ông M và bà M1 không có đăng ký kết hôn nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà M1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông M và bị đơn bà M1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy

đủ các thủ tục tố tụng để nguyên đơn ông M và bị đơn bà M1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc vắng mặt của nguyên đơn ông M và bị đơn bà M1 là có đơn yêu cầu, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông M và bà M1 chung sống với nhau từ năm 1990, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra gây gổ, hai bên đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Ông M thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn và bà M1 đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa ông M và bà M1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông M và bà M1 theo quy định của pháp luật.

- Ông M và bà M1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/01/1991. Hiện con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề con chung.

- Ông M và bà M1 không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[5] Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng M đối với bà Đặng Thị M1 về việc “Ly hôn”:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hoàng M đối với bà Đặng Thị M1.

- *Về con chung*: Không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng M được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Tuấn